

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CR
THÀNH PHỐ CT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HNST.

Ngày: 16/01/2023.

V/v tranh chấp: “*Ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CR**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Kim Xuân**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Bùi Thanh Trí**.

Bà **Nguyễn Thanh Tùng**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Nhâm Thị Thanh Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân quận CR, thành phố CT.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận CR, thành phố CT: Bà **Võ Thị Nhu** – kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận CR xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 161/2022/TLST- HNGĐ, ngày 24 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐXX-ST, ngày 30 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2023/QĐST-HN ngày ngày 29 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Kim D**, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: 449, tổ 2, khu vực Thạnh H, phường Phú T, quận CR, thành phố CT.
(Có mặt)

Bị đơn: Ông **Lê Ngọc T**, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: 449, tổ 2, khu vực Thạnh H, phường Phú T, quận CR, thành phố CT.
(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** *Tại đơn khởi kiện ngày 10/5/2022 và bản tự khai ngày 30/11/2022 nguyên đơn bà Lê Thị Kim D trình bày:***

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Lê Ngọc T quen biết nhau là do mai mối và sau thời gian tìm hiểu được khoảng 03 tháng thì tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú A, huyện Châu T, tỉnh CT (nay UBND phường Phú T, quận CR, thành phố CT), đăng ký kết hôn vào ngày 06/8/2001, hôn nhân tự nguyện.

Chung sống hạnh phúc được khoảng 18 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên tranh cãi, từ đó tình cảm vợ chồng cũng dần dần phai nhạt nên vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Nay bà nhận thấy đã không còn tình cảm với ông Lê Ngọc T nên xin được ly hôn.

- *Về con chung*: Có 01 con chung là Lê Thị Ngân E (nữ), sinh ngày 22/12/2001. Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

*** Bị đơn – ông Lê Ngọc T trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Do ông vẫn còn thương vợ nên cần thời gian khoảng 01 tháng để vợ ông suy nghĩ lại. Nếu sau 01 tháng mà vợ ông vẫn kiên quyết ly hôn thì ông đồng ý để Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Về con chung*: Có 01 con chung là Lê Thị Ngân E (nữ), sinh ngày 22/12/2001. Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa:

* Bà Lê Thị Kim D vẫn kiên quyết ly hôn và không đồng ý đoàn tụ lại.

* Ông Lê Ngọc T cố tình vắng mặt và không có văn bản ý kiến nào khác với biên bản hòa giải ngày 30/11/2022 nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

* *Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa*: Việc thụ lý vụ án của tòa án là đúng thẩm quyền, về tư cách tham gia tố tụng, việc hòa giải, việc xét xử vắng mặt đương sự và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng trình tự luật định. Về nội dung vụ án thì nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra lại tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về thủ tục tố tụng***: Sau khi thụ lý Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng và công bố chứng cứ mới đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, mặc dù bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do là xem như bị đơn cố tình vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ pháp luật*: Nguyên đơn, bị đơn chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Nay nguyên đơn có yêu cầu ly hôn với bị đơn thì đây là loại tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận CR, thành phố CT theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Xét về quan hệ hôn nhân*: Giữa nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau năm vào năm 2001, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 169/2002, ngày 06/8/2002 tại UBND xã Phú A, huyện Châu T, tỉnh CT (cũ) nay là UBND phường Phú T, quận CR, thành phố CT nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng đã không còn. Tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải ông T có xin thời gian 01 tháng để vợ chồng hàn gắn tình cảm và đoàn tụ lại, nếu bà D vẫn kiên quyết ly hôn thì ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, bà D vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn, còn ông T thì vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ là cố tình và thể hiện ông T không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để được đoàn tụ lại. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài vì mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở để được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Xét về con chung*: Có 01 con chung là Lê Thị Ngân E (nữ), sinh ngày 22/12/2001. Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Cả hai khai không có. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

[6] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, chuyển 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0008682 ngày 19/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận CR thành án phí. Không ai phải nộp thêm.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc đã thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các điều 28; 35; 39; 147; 227, 228; 266; 271; 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các điều 51, điều 53, và điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử: *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận cho bà Lê Thị Kim D được ly hôn với ông Lê Ngọc T.

2. *Về con chung:* Có 01 con chung là Lê Thị Ngân E (nữ), sinh ngày 22/12/2001. Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết

3. *Về tài sản chung:* Cả hai khai không có. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

4. *Về nợ chung:* Cả hai khai không có. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

5. *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, chuyển 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0008682 ngày 19/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận CR thành án phí. Không ai phải nộp thêm.

6. *Về quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc đã thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND. TP. CT.
- VKSND.Q.CR.
- Cơ quan Thi hành án.
- Người TGTT.
- Lưu HS – BA

Huỳnh Thị Kim Xuân